

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2024/DS -PT**
Ngày 25 tháng 3 năm 2024
V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hữu Thị Hào Hào

Các Thẩm phán: Ông Trần Đình Quảng

Ông Trần Hoài Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án sơ thẩm số 95/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 92/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà *Nguyễn Thị Bích C*, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số E đường L, phường P, quận H, TP Đà Nẵng (bà C có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trịnh Anh H, sinh năm 1973, thẻ luật sư số 6137/LS thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q, thuộc Công ty L - Chi nhánh Đ1. Địa chỉ: Số G đường B, quận N, thành phố Đà Nẵng (LS H có mặt tại phiên tòa).

2. **Bị đơn:** Bà *Hoàng Thúy B*, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số F đường P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

Người đại diện bị đơn tham gia tố tụng là: Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1965, địa chỉ F đường L, phường H, quận H thành phố Đà Nẵng và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1988, trú tại: Số A đường B, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng

tham gia tố tụng theo Giấy uỷ quyền của bà Hoàng Thúy B được công chứng ngày 29/01/2024 (bà H1 và bà D có mặt tại phiên toà).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông *Nguyễn Trung H2*, sinh năm 1983; địa chỉ: Số A đường N, tổ D phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt)

+ Bà *Huỳnh Thị Thanh H3*, sinh năm 1977; địa chỉ: E đường H, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

Người đại diện bà Huỳnh Thị Thanh H3 tham gia tố tụng là: Bà *Trịnh Thị Thanh H4*, sinh năm 1992; địa chỉ: 8 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy uỷ quyền được công chứng ngày 17/7/2023 (bà H4 vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Thị Thanh H3 là: Luật sư *Hoàng Văn Đ*, sinh năm 1994, thẻ luật sư số 1500/LS thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ, thuộc Công ty L1. Địa chỉ: số H đường N, phường H, quận H, TP Đà Nẵng (LS Đoàn có mặt tại phiên toà).

4. Người kháng cáo: - Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích C.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thúy B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện nộp ngày 18/7/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Bích C có quen biết thân tình với bà Hoàng Thúy B từ lâu, bà C đã cho bà B vay mượn tiền nhiều lần để bà B buôn bán làm ăn. Ngày 18/6/2021, bà B lại đến nhà bà C để vay mượn, lần này bà B nhờ bà C mượn giúp tiền mục đích là mua lô đất đường 02 tháng 9; bà B có mang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà số C đường H, thành phố Đà Nẵng nhằm thế chấp cho khoản vay. Vì là chỗ thân quen lại có tài sản thế chấp, nên bà C đã đi vay mượn một số người để cho bà B vay số tiền 20.000.000.000 đồng và viết Giấy thế chấp căn nhà số C đường H, thành phố Đà Nẵng để đảm bảo khoản vay. Thời hạn vay tiền bà B hứa bằng miệng và trong tin nhắn sau 07 ngày chuyển trả cho bà C và mượn lại rồi lại cứ như vậy bà B đang nợ bà C số tiền 20.000.000.000 đồng chưa trả hết.

Đến ngày 20/7/2021, bà B vay bà C thêm 20.000.000.000 đồng và viết giấy nhận nợ thời gian trả cũng 07 ngày và mượn lại lặp lại vòng quay 07 ngày trả.

Ngày 14/10/2021, bà B cầm 02 hợp đồng C H, thế chấp vay mượn thêm 4.000.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc bà B đã vay bà C là 44.000.000.000 đồng. Bà B đã trả trước cho bà C 700.000.000 đồng, còn lại số tiền nợ gốc là 43.300.000.000 đồng. Bà B đã nhiều lần cam kết, xin gia hạn sẽ trả lại tiền gốc và lãi cho bà C vì đang đợi bên đối tác đặt cọc lô đất tại đường B tháng I, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 25/10/2021, bà B đến nhà bà C xin mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của căn nhà số C đường H, thành phố Đà Nẵng, nhằm mục đích thế chấp Ngân hàng vay số tiền 15.000.000.000 đồng trả nợ cho bà C. Tuy nhiên, sau khi Ngân hàng giải ngân, ngày 30/10/2021 thì bà B chỉ trả cho bà C 11.000.000.000 đồng, sau đó mượn lại 11.000.000.000 đồng với mục đích là đóng thuê cho lô đất đường 02 tháng 9 để bán và cũng cam kết bán sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho bà C. Một thời gian ngắn, bà C nghe thông tin bà B đã bán căn nhà C H, với giá 58.000.000.000 đồng nhưng bà B không trả tiền cho bà C như đã cam kết, đã lạm dụng sự tín nhiệm của bà C để chiếm đoạt số tiền bà C cho vay mượn. Vào khoảng tháng 12/2021 bà B đã giao dịch bán lô đất đường 02 tháng 9 nhưng có tình không trả tiền vay và tiền lãi cho bà C.

Ngày 18/7/2022, bà C làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thúy B phải trả cho bà C số tiền nợ gốc 43.300.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 18/02/2022 đến ngày 18/7/2022 với lãi suất 7,5% năm với số tiền 16.237.500.000 đồng. Tổng số tiền trả gốc và lãi tạm tính là 59.537.500.000 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thi hành án xong.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 20.000.000.000 đồng để gửi đơn tố cáo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H và chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thúy B phải trả cho bà C 29.990.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 23.300.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 18/02/2022 đến ngày 18/7/2022 với lãi suất 7,5% năm là 6.690.000.000 đồng. Trong trường hợp không có dấu hiệu hình sự bà C sẽ tiếp tục tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nay, bà Nguyễn Thị Bích C yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thúy B phải trả số tiền tổng cộng là 30.538.958.904 đồng, trong đó nợ gốc 23.300.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 18/02/2022 đến ngày 07/9/2023 là 567 ngày, với mức lãi suất 20%/năm là 7.238.958.904 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thi hành án xong.

** Đại diện bị đơn trình bày trong quá trình tố tụng như sau:*

- Đối với giao dịch giữa cá nhân bà Hoàng Thúy B và bà Nguyễn Thị Bích C thể hiện tại Giấy mượn tiền đề ngày 18/6/2021: Năm 2021, giữa bà B và bà C có giao dịch vay mượn tiền. Cụ thể, bà B có mượn của bà C số tiền là 20.000.000.000 đồng thể hiện tại Giấy mượn tiền viết ngày 18/6/2021 và Giấy thế chấp viết ngày 20/07/2021. Tuy nhiên, đây là giao dịch độc lập giữa cá nhân bà B và bà C, sau đó

bà B đã thực hiện xong nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền này cho bà C, cụ thể trả dần nhiều lần từ ngày 21/7/2021 đến ngày 05/8/2021.

- Đối với giấy nợ 2.000.000.000 đồng ngày 14/10/2021, bà B đã thực hiện xong nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền này vào ngày 27/10/2021 với bà C. Giữa bà B và bà C có tin nhắn xác nhận đã trả xong khoản nợ này.

- Đối với giấy nợ 2.000.000.000 đồng ngày 15/10/2021, bà B đã thực hiện xong nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền này vào ngày 27/10/2021. Bà B đã trả tiền thông qua tài khoản Ngân hàng V và bà C đã xác nhận qua tin nhắn.

Từ sự việc nêu trên, bị đơn nhận thấy việc bà Nguyễn Thị Bích C khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thúy B phải trả số tiền nợ là 23.300.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 18/02/2022 đến ngày 07/9/2023 là 7.238.958.904 đồng là không có cơ sở. Bởi lẽ, giao dịch vay mượn tiền giữa cá nhân bà B và bà C theo các Giấy mượn tiền nêu trên thì bà B đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho bà C. Do vậy, không có căn cứ để xác định và buộc bà B phải trả cho bà C số tiền gốc và tiền lãi theo nội dung yêu cầu khởi kiện. Do vậy, đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu của bà C.

Đối với số tiền 43.588.000.000 đồng mà bà C cho rằng bà B vay bà C và cung cấp cho Tòa án vi bằng số 88/2023/VB-TPLĐN lập ngày 07/7/2023 tại Văn phòng T, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bà B chỉ đứng ra làm trung gian cho việc vay tiền giữa bà Huỳnh Thị Thanh H3 và bà C. Bà H3 đã lập Bản cam kết trách nhiệm trả nợ khoản vay, khẳng định bà H3 là người trực tiếp vay tiền của bà C, bà B chỉ là người chứng kiến việc vay tiền này, do vậy bà B không có liên quan và không có trách nhiệm gì đối với số nợ trên. Đối với số tiền bà B chuyển cho bà C sau ngày 27/10/2021 là bà B trả nợ hộ cho bà H3.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trung H2 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai ngày 07/7/2023 ông H2 đã trình bày:*

Năm 2021, do là chỗ quen biết với nhau nên trước đây bà C liên hệ với ông H2 cho biết có một người bạn là bà Hoàng Thúy B có nhu cầu vay tiền. Do cả nể bà C và bà C đứng ra cam đoan sẽ chịu trách nhiệm nên ông H2 có cho bà B vay tiền hai đợt, vay trong ngắn hạn, cụ thể mỗi đợt là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,2%/ngày. Nội dung tiền lãi không được thể hiện trong giấy nhận nợ nhưng các bên có cam kết miệng với nhau. Bà B có viết cho ông H2 02 giấy nhận nợ vào ngày 14/10/2021 và 15/10/2021. Trong nội dung hai giấy nhận nợ, bà B có khẳng định nợ ông H2 tổng số tiền 4.000.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 20 ngày kể từ ngày cho vay. Nếu quá thời hạn trên bà B sẽ bàn giao cho ông H2 một căn nhà phố thuộc dự án C H bà B đã mua để cản trừ nợ. Đối với số tiền trên, ông H2 không giao nhận trực tiếp với bà B mà giao cho bà C đưa cho bà B, giữa ông H2 và bà C có lập biên bản giao nhận tiền với nhau. Sau đó, đến thời hạn trả nợ bà B không thanh toán cho ông H2. Ông H2 có liên hệ đòi nhưng bà B không trả. Bà C là người trung gian có

nói cam kết sẽ lấy tiền nợ về cho ông H2. Do là người bảo lãnh nên ông H2 yêu cầu bà C đứng ra lấy cho ông H2 khoản tiền nợ này về nhưng đến nay bà C không thực hiện được. Theo ông H2 được biết khoản tiền vay của ông H2 bà B đã đứng ra xác nhận với bà C, bà C có trách nhiệm thay ông H2 đòi bà B. Vì vậy, nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà C, ông H2 đề nghị quý tòa giải quyết theo quy định của pháp luật buộc bà B phải thanh toán đủ gốc và lãi số tiền nêu trên cho bà C để bà C thanh toán cho ông H2.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Thanh H3 thông qua người đại diện trình bày như sau:*

Đối với ý kiến của đại diện theo ủy quyền bị đơn cho rằng sau ngày 18/6/2021, bà B có đứng ra bảo lãnh cho bà H3 vay tiền của bà C. Số tiền bà C chuyển cho bà B nhiều lần tổng cộng 43.300.000.000 đồng thì bà B đã chuyển cho bà H3 là không có cơ sở. Tại Vi bằng số 88/2023/VB-TPLĐN lập ngày 07/7/2023 tại Văn phòng T. Các chứng cứ trên thể hiện tổng số tiền bà B và bà H3 còn nợ bà C là 76.821.000.000 đồng, trong đó bà B nợ 43.588.000.000 đồng (bao gồm cả số tiền nợ 24.000.000.000 đồng nêu trên), bà H3 nợ 33.233.000.000 đồng, đã trả được 821.000.000 đồng là đúng. Vì không liên quan đến số nợ 43.300.000.000 đồng của bà B đối với bà C nên đề nghị Hội đồng xét xử không đưa bà H3 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích C về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Hoàng Thúy B.

1. Xử:

- Buộc bà Hoàng Thúy B phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích C số tiền 26.919.479.452 đồng, trong đó nợ gốc 23.300.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 18/02/2022 đến ngày 07/9/2023 là 3.619.479.452 đồng.

Kể từ ngày 08/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, bà Hoàng Thúy B còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm.

- Không chấp nhận ½ số tiền lãi 7.238.958.904 đồng là 3.619.479.452 đồng mà bà Nguyễn Thị Bích C yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thúy B trả lãi.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm là 134.919.479,452 đồng bà Hoàng Thúy B phải chịu.

- Án phí dân sự sơ thẩm là 104.389.589 đồng bà Nguyễn Thị Bích C phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 83.768.750 đồng bà Nguyễn Thị Bích C đã nộp theo biên lai thu số 6042 ngày 25/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự

quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, bà C còn phải nộp tiếp số tiền 20.620.839 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/9/2023, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích C đề ngày 11/9/2023 với nội dung: Kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm liên quan đến lãi suất đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tính lãi từ ngày 18/02/2022 theo mức lãi suất 20%/năm được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn.

Cùng ngày 15/9/2023, Tòa án cũng nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thúy B đề ngày 15/9/2023 với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ, chưa đánh giá kỹ lưỡng và không có sự phân tích từng văn bản mà nguyên đơn sử dụng làm căn cứ khởi kiện dẫn đến ban hành Bản án không đảm bảo quyền lợi cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời rút toàn bộ nội dung kháng cáo; bị đơn bà Hoàng Thúy B giữ nguyên nội dung kháng cáo, các bên không thoả thuận được hướng giải quyết vụ án.

* Với nội dung vụ án như trên và diễn biến tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc chấp hành pháp luật và nội dung giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng, tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về phần nội dung giải quyết vụ án: Đối với việc nguyên đơn rút đơn kháng cáo tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của nguyên đơn. Đối với kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thúy B không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm, Toà án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên toà nhưng đến ngày xét xử ông Nguyễn Trung H2 vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, các đương sự có mặt đồng ý xét xử vắng mặt ông H2, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến đề nghị Toà án vẫn tiến hành xét xử theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo trình tự, thủ tục chung được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông H2.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích C rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích C.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy:

[3.1] Các đương sự đều thừa nhận, bà Nguyễn Thị Bích C và bà Hoàng Thúy B có mối quan hệ làm ăn vay mượn tiền từ năm 2019, bà C đã nhiều lần cho bà B vay mượn tiền để kinh doanh, bà B vay sau đó trả và vay lại và cứ nhiều lần như thế. Do các bên là chỗ làm ăn từ trước, nên mặc dù số tiền vay mượn lớn nhưng do tin tưởng nên thực hiện giao dịch vay mượn đơn giản, nếu số tiền vay mượn mới bằng số tiền vay cũ thì vẫn sử dụng giấy nợ cũ. Các bên xác nhận việc vay mượn trên giấy, hoặc chỉ xác nhận qua cuộc điện thoại hay tin nhắn và mặc dù trong tất cả khoản vay đều không thể hiện vay có lãi nhưng thực tế các bên đều thừa nhận có thoả thuận ngầm với nhau về việc trả lãi.

[3.2] Bà Hoàng Thúy B cho rằng số tiền vay của bà C tổng cộng là 24 tỷ theo các Giấy mượn tiền ngày 18/6/2021, ngày 14/10/2021 và ngày 15/10/2021 bà đã trả dứt điểm các khoản nợ này cho bà C từ tháng 10/2021 thông qua tài khoản tại Ngân hàng TMCP C1 (V) Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà B và bà C liên tục có nhiều giao dịch vay mượn ngắn ngày, vay rồi trả sau đó vay lại. Tuy nhiên, theo bản sao kê tại Ngân hàng thể hiện, các bên chuyển tiền cho nhau nhưng không thể hiện rõ nội dung giao dịch nên không xác định bà B chuyển trả cho bà C cho khoản nợ vay nào, và do vay mượn có trả lãi nên không xác định được khoản tiền trả vào nợ gốc hay trả vào nợ lãi và trả cho giao dịch vay nào nên việc bà B cho rằng đã trả cho bà C thông qua tài khoản Ngân hàng là chưa đủ căn cứ.

[3.3] Trong khi đó, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bên bị đơn là bà Huỳnh Thị Thanh H3 thông qua người đại diện cũng đã trình bày tại phiên toà xác nhận bà Hoàng Thúy B còn nợ bà C số tiền 43.588.000.000 đồng (bao gồm cả số tiền 24.000.000.000 đồng bà C khởi kiện bà B). Điều này, cũng phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là Giấy mượn tiền không có ngày tháng năm nhưng được bà Hoàng Thúy B và bà Huỳnh Thị Thanh H3 cùng ký trong đó có hai khoản

là: 33.233.000.000 đồng và khoản 43.588.000.000đồng, mà theo nguyên đơn bà C trình bày thì khoản 33.233.000.000 đồng là của bà H3 nợ và khoản 43.588.000.000 đồng là của bà B nợ.

[3.4] Ngoài ra, các tin nhắn qua lại giữa bà C và bà B được lập thành Vi bằng số 88/2023/VB-TPLĐN ngày 07/7/2023 tại Văn phòng T đã thể hiện: Tin nhắn ngày 28/01/2022, bà Hoàng Thúy B nhắn nội dung xác nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Bích C số tiền 43tỷ 588 triệu đồng. Như vậy, nếu thực tế bà B đã trả cho bà C số nợ vào tháng 10/2021 thì tại sao ngày 28/01/2022 lại xác nhận còn nợ bà C số tiền 43.588.000.000 đồng.

[3.5] Do đó, có cơ sở xác định việc bà Nguyễn Thị Bích C cho bà Hoàng Thúy B vay số tiền 43.588.000.000 đồng là có thật, nay bà C khởi kiện bà B yêu cầu trả số tiền nợ gốc 23.300.000.000 đồng, xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự, quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết của nguyên đơn và xét thấy có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp nên kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thúy B là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả lãi trong giai đoạn thi hành án các bên không kháng cáo. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên nghĩa vụ trả lãi là ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm “Kể từ ngày 08/9/2023... bà Hoàng Thúy B phải chịu lãi trên số nợ gốc...” là không đúng với Nghị quyết hướng dẫn về cách tuyên phần lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án mà phải tuyên “Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án...” mới đúng nên mặc dù các bên không kháng cáo nhưng để đảm bảo đúng pháp luật Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ sửa án sơ thẩm về phần này.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Giữ nguyên phần án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Nguyễn Thị Bích C.
- Sửa phần án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Hoàng Thúy B, do bà B sinh năm 1963 đến thời điểm xét xử sơ thẩm bà B đã 60 tuổi thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm, bà B mới nộp hồ sơ đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét miễn án phí cho bà.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn rút kháng cáo nên được hoàn trả lại số tiền án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng. Bị đơn bà Hoàng Thúy B được miễn án phí phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi, nên bà B được hoàn trả lại tiền án phí phúc thẩm đã nộp.

[6] Xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 284, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích C.

II. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thúy B.

III. Sửa Bản án sơ thẩm số: 95/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Hoàng Thúy B phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích C số tiền 26.919.479.452 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc tiền vay là: 23.300.000.000 đồng

+ Nợ tiền lãi là: 3.619.479.452 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Bích C phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận, số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà C phải chịu là 104.389.589 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 83.768.750 đồng bà Nguyễn Thị Bích C đã nộp theo Biên lai thu số 6042 ngày 25/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nên bà Nguyễn Thị Bích C còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 20.620.839 đồng.

- Bà Hoàng Thúy B được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

IV. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích C số tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ theo Biên lai thu số 0001168 ngày 18/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Hoàng Thúy B được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu số 0001171 ngày 19/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

V. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND TP Đà Nẵng
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo